

Số: 102/2024/QĐST-DS

Quận 1, ngày 17 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 5 Điều 211 và khoản 1 Điều 212 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 16 Điều 4, Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2024/DSST ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết vụ án dân sự là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng S

Địa chỉ: 266 – 268 đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lã Ngọc M, sinh năm 1970;
Địa chỉ: 266 – 268 đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 4016/2023/UQ-TGD ngày 21/11/2023).

Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: 178/16 (Phòng 4 Lầu 1) đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Phạm Văn T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng S tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi là: 255.359.865 đồng (Hai trăm năm mươi lăm

triệu, ba trăm năm mươi chín nghìn, tám trăm sáu mươi lăm đồng) tính đến ngày 08/4/2024 của:

- Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 27/02/2020 gồm: Nợ gốc: 52.268.587 đồng (Năm mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn, năm trăm tám mươi bảy đồng); Lãi quá hạn: 73.253.312 đồng (Bảy mươi ba triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm mười hai đồng). Tổng cộng là: 125.521.899 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm hai mươi một nghìn, tám trăm chín mươi chín đồng).

- Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 202024928681 ngày 27/02/2020 gồm: Nợ gốc: 91.550.000 đồng (Chín mươi một triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng); Lãi trong hạn: 100.329 đồng (Một trăm nghìn, ba trăm hai mươi chín đồng); Lãi quá hạn: 38.187.637 đồng (Ba mươi tám triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn, sáu trăm ba mươi bảy đồng). Tổng cộng là: 129.837.966 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, chín trăm sáu mươi sáu đồng).

2.2. Về thời hạn và phương thức thanh toán: Ông Phạm Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 255.359.865 đồng trong 05 (năm) đợt, bắt đầu từ ngày 26/4/2024 và chậm nhất đến ngày 30/8/2024, cụ thể như sau:

- Đợt 1: Ngày 26/4/2024, thanh toán số tiền: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng);

- Đợt 2: Ngày 30/5/2024, thanh toán số tiền: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng);

- Đợt 3: Ngày 28/6/2024, thanh toán số tiền: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng);

- Đợt 4: Ngày 30/7/2024, thanh toán số tiền: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng);

- Đợt 5: Ngày 30/8/2024, thanh toán số tiền: 175.359.865 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu, ba trăm năm mươi chín nghìn, tám trăm sáu mươi lăm đồng).

Trường hợp ông Phạm Văn T vi phạm bất kỳ đợt thanh toán nào theo thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng S được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc ông Phạm Văn T thanh toán 01 (một) lần toàn bộ số tiền nợ còn lại.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả trên nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 27/02/2020 và Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ ngày 27/02/2020 nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định.

2.3. Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm Văn T phải chịu tiền án phí dân sự hòa giải thành là 6.383.997 đồng (Sáu triệu, ba trăm tám mươi ba nghìn, chín trăm chín mươi bảy đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí là 3.083.228 đồng (Ba triệu, không trăm tám mươi ba nghìn, hai trăm hai mươi tám đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0045152 và 3.146.448 đồng (Ba triệu, một trăm bốn mươi sáu nghìn, bốn trăm bốn mươi tám đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0045151 cùng ngày 05/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Ánh